

PHỤ LỤC:
DANH SÁCH HỌC PHẦN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP
VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHO CÁC HỌC VIÊN CAO HỌC, ĐỢT 1 NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-DCT ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	MSHV	Họ tên	Ngành	Học phần đã tích lũy ở trình độ Thạc sĩ/ Kỹ sư (chuyên sâu đặc thù)					Học phần được công nhận trong chương trình đào tạo Thạc sĩ			
				Tên học phần	Số tín chỉ	Điểm (hệ 10)	Thuộc trình độ đào tạo	Cơ sở đào tạo	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Điểm (hệ 10)
1	1001260004	Huỳnh Hữu Đức	Công nghệ thông tin	Chuyên đề các vấn đề hiện đại trong ATTT	3	7,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản lý dự án và chuyển đổi số	102926	3	7,0
	1001260004	Huỳnh Hữu Đức	Công nghệ thông tin	Thực tập kỹ sư	8	9,3	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	102933	8	9,3
	1001260004	Huỳnh Hữu Đức	Công nghệ thông tin	Công tác kỹ sư	2	8,2	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	102929	4	7,6
	1001260004	Huỳnh Hữu Đức	Công nghệ thông tin	Chuyên đề khai phá dữ liệu ứng dụng cho an toàn thông tin	3	7,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh				

2	1001260016	Phạm Nguyễn	Công nghệ thông tin	Chuyên đề các vấn đề hiện đại trong CNTT	3	9,1	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản lý dự án và chuyển đổi số	102926	3	9,1
	1001260016	Phạm Nguyễn	Công nghệ thông tin	Thực tập kỹ sư	8	10,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	102933	8	10,0
	1001260016	Phạm Nguyễn	Công nghệ thông tin	Chuyên đề phân tích mạng xã hội	3	8,5	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Phân tích mạng xã hội	102342	4	8,6
	1001260016	Phạm Nguyễn	Công nghệ thông tin	Công tác kỹ sư	2	8,7	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh				
3	1001260028	Phạm Nguyễn Huyền Trân	Công nghệ thông tin	Chuyên đề các vấn đề hiện đại trong CNTT	3	8,7	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản lý dự án và chuyển đổi số	102926	3	8,7
	1001260028	Phạm Nguyễn Huyền Trân	Công nghệ thông tin	Thực tập kỹ sư	8	9,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	102933	8	9,0
	1001260028	Phạm Nguyễn Huyền Trân	Công nghệ thông tin	Công tác kỹ sư	2	8,4	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Phân tích mạng xã hội	102342	4	8,1
	1001260028	Phạm Nguyễn Huyền Trân	Công nghệ thông tin	Chuyên đề phân tích mạng xã hội	3	7,7	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh				

4	1001260017	Phạm Thị Hồng Nhung	Công nghệ thông tin	Triết học	3	7,0	Thạc sĩ	Trường ĐH công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM	Triết học	100408	3	7,0
	1001260017	Phạm Thị Hồng Nhung	Công nghệ thông tin	Toán học	4	8,0	Thạc sĩ	Trường ĐH công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM	Toán cho tin học	101353	3	8,0
	1001260017	Phạm Thị Hồng Nhung	Công nghệ thông tin	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong CNTT	2	8,2	Thạc sĩ	Trường ĐH công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM	Phương pháp nghiên cứu khoa học	007399	2	8,2
	1001260017	Phạm Thị Hồng Nhung	Công nghệ thông tin	Thuật toán và phương pháp giải quyết vấn đề	4	7,8	Thạc sĩ	Trường ĐH công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM	Giải thuật nâng cao	101350	3	7,8
	1001260017	Phạm Thị Hồng Nhung	Công nghệ thông tin	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4	6,9	Thạc sĩ	Trường ĐH công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	102929	4	6,9
	1001260017	Phạm Thị Hồng Nhung	Công nghệ thông tin	Các hệ thống nhúng	3	7,7	Thạc sĩ	Trường ĐH công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM	Hệ hỗ trợ quyết định	102924	4	7,4
	1001260017	Phạm Thị Hồng Nhung	Công nghệ thông tin	Hệ hỗ trợ quyết định	3	7,0	Thạc sĩ	Trường ĐH công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM				

	1001260017	Phạm Thị Hồng Nhung	Công nghệ thông tin	Nhận dạng thị giác và ứng dụng	3	7,9	Thạc sĩ	Trường ĐH công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM	Thị giác máy tính và nhận dạng mẫu	101360	4	7,7
	1001260017	Phạm Thị Hồng Nhung	Công nghệ thông tin	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	4	7,4	Thạc sĩ	Trường ĐH công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM				
5	1005260008	Bùi Như Quỳnh	Công nghệ thực phẩm	Thực tập Kỹ Sư 1	5	8,8	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	102982	8	8,8
	1005260008	Bùi Như Quỳnh	Công nghệ thực phẩm	Thực tập Kỹ Sư 2	3	8,7	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh				
6	1005260002	Cao Trung Đạt	Công nghệ thực phẩm	Chuyên đề vệ sinh công nghiệp	1	8,5	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Chuyên đề vệ sinh công nghiệp	102403	1	8,5
	1005260002	Cao Trung Đạt	Công nghệ thực phẩm	Quản lý dự án	2	8,4	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản lý dự án	100580	2	8,4
	1005260002	Cao Trung Đạt	Công nghệ thực phẩm	Triết học	3	8,5	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Triết học	100408	3	8,5
	1005260002	Cao Trung Đạt	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ lên men hiện đại	2	8,1	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Công nghệ lên men hiện đại	102400	2	8,1

	1005260002	Cao Trung Đạt	Công nghệ thực phẩm	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	9,5	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Phương pháp nghiên cứu khoa học	102399	2	9,5
	1005260002	Cao Trung Đạt	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật hiện đại trong chế biến thực phẩm	2	8,9	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Kỹ thuật hiện đại trong chế biến thực phẩm	101401	2	8,9
	1005260002	Cao Trung Đạt	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật hiện đại trong phân tích thực phẩm	2	8,3	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Kỹ thuật hiện đại trong phân tích thực phẩm	100584	2	8,3
7	1005260010	Hà Thị Minh Thư	Công nghệ thực phẩm	Marketing thực phẩm và nghiên cứu người tiêu dùng	2	7,7	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Marketing thực phẩm và hành vi người tiêu dùng	100589	2	7,7
	1005260010	Hà Thị Minh Thư	Công nghệ thực phẩm	Quản lý nhà máy thực phẩm	2	6,8	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản lý nhà máy thực phẩm	101402	2	6,8
	1005260010	Hà Thị Minh Thư	Công nghệ thực phẩm	Thực tập kỹ sư 1	5	9,1	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	102982	8	9,1
	1005260010	Hà Thị Minh Thư	Công nghệ thực phẩm	Thực tập kỹ sư 2	3	9,1	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh				
8	1005250041	Nguyễn Lê Sơn	Công nghệ thực phẩm	Quản lý nhà máy thực phẩm	2	7,2	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản lý nhà máy thực phẩm	101402	2	7,2

	1005250041	Nguyễn Lê Sơn	Công nghệ thực phẩm	Xử lý môi trường trong công nghiệp thực phẩm	2	8,7	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Xử lý môi trường trong công nghiệp thực phẩm	101403	2	8,7
	1005250041	Nguyễn Lê Sơn	Công nghệ thực phẩm	Quản trị doanh nghiệp	2	7,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản trị doanh nghiệp	103006	2	7,0
	1005250041	Nguyễn Lê Sơn	Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng tin học trong công nghệ thực phẩm	2	8,5	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Ứng dụng tin học trong công nghệ thực phẩm	101407	2	8,5
	1005250041	Nguyễn Lê Sơn	Công nghệ thực phẩm	Thực tập kỹ sư 1	5	8,3	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	102982	8	8,3
	1005250041	Nguyễn Lê Sơn	Công nghệ thực phẩm	Thực tập kỹ sư 2	3	8,3	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh				
9	1005260007	Phạm Gia Nhung	Công nghệ thực phẩm	Quản lý nhà máy thực phẩm	2	8,1	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản lý nhà máy thực phẩm	101402	2	8,1
	1005260007	Phạm Gia Nhung	Công nghệ thực phẩm	Thực tập kỹ sư 1	5	8,8	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	102982	8	8,8

	1005260007	Phạm Gia Nhung	Công nghệ thực phẩm	Thực tập kỹ sư 2	3	8,8	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh					
10	1003250004	Phạm Phú Anh	Kỹ thuật cơ khí	Thực tập kỹ sư	8	10,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	103003	8	10,0	
11	1003260003	Trần Minh Ngọc Khánh	Kỹ thuật cơ khí	Thực tập kỹ sư	8	10,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	103003	8	10,0	
	1003260003	Trần Minh Ngọc Khánh	Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ thiết kế khuôn mẫu	3	8,1	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Khuôn mẫu nâng cao	101420	3	8,1	
	1003260003	Trần Minh Ngọc Khánh	Kỹ thuật cơ khí	Phương pháp tính hiện đại	3	8,1	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Phương pháp tính hiện đại	100602	3	8,1	
	1003260003	Trần Minh Ngọc Khánh	Kỹ thuật cơ khí	Đo lường Cơ khí hiện đại	3	8,3	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Đo lường Cơ khí hiện đại	101427	3	8,3	
	1003260003	Trần Minh Ngọc Khánh	Kỹ thuật cơ khí	Động lực học hệ thống	3	8,9	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Động lực học hệ thống	101421	3	8,9	
	1003260003	Trần Minh Ngọc Khánh	Kỹ thuật cơ khí	Hệ thống tinh gọn	3	8,5	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Hệ thống tinh gọn	101425	3	8,5	

12	1003260004	Võ Minh Tiến	Kỹ thuật cơ khí	Thực tập kỹ sư	8	10,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	103003	8	10,0
	1003260004	Võ Minh Tiến	Kỹ thuật cơ khí	Hệ thống sản xuất thông minh	3	9,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Hệ thống sản xuất thông minh	101419	3	9,0
	1003260004	Võ Minh Tiến	Kỹ thuật cơ khí	Chuyên đề: Tự động hóa trong sản xuất	2	10,0	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Chuyên đề: Tự động hóa trong sản xuất	103001	2	10,0
	1003260004	Võ Minh Tiến	Kỹ thuật cơ khí	Hệ thống tinh gọn	3	9,5	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Hệ thống tinh gọn	101425	3	9,5
13	1002260007	Nguyễn Minh Luận	Kỹ thuật điện	Quản lý và sử dụng năng lượng hiệu quả	2	8,3	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản lý và sử dụng năng lượng hiệu quả	101439	2	8,3
	1002260007	Nguyễn Minh Luận	Kỹ thuật điện	Thực tập kỹ sư	8	9,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	101446	3	9,0
	1002260007	Nguyễn Minh Luận	Kỹ thuật điện	Hệ thống SCADA	2	7,8	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Hệ thống SCADA	102939	2	7,8
14	1004260004	Bùi Thị Hồng Nhung	Kỹ thuật hóa học	Tư duy thiết kế	2	9,0	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Tư duy thiết kế	101453	2	9,0

15	1004250014	Lê Thị Bích Ngọc	Kỹ thuật hóa học	Thực tập kỹ sư	8	9,1	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	101479	3	9,1
	1004250014	Lê Thị Bích Ngọc	Kỹ thuật hóa học	Vật liệu tiên tiến	2	9,1	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Vật liệu tiên tiến	100542	2	9,1
	1004250014	Lê Thị Bích Ngọc	Kỹ thuật hóa học	Quản lý dự án	2	8,1	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản lý và xây dựng nhà máy hóa chất	102883	2	8,1
	1004250014	Lê Thị Bích Ngọc	Kỹ thuật hóa học	Quy hoạch thực nghiệm và tối ưu hóa	2	8,3	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thiết kế và phân tích thí nghiệm nâng cao	102893	2	8,3
16	1004260005	Nguyễn Bảo Hoàn Tin	Kỹ thuật hóa học	Thực tập kỹ sư	8	9,8	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	101479	3	9,8
	1004260005	Nguyễn Bảo Hoàn Tin	Kỹ thuật hóa học	Quy hoạch thực nghiệm và tối ưu hóa	2	6,0	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thiết kế và phân tích thí nghiệm nâng cao	102893	2	6,0
17	1004250018	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	Kỹ thuật hóa học	Thực tập kỹ sư	8	8,9	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	101479	3	8,9
	1004250018	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	Kỹ thuật hóa học	Vật liệu polymer và công nghệ màng	2	6,4	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Vật liệu polymer và công nghệ màng	101456	2	6,4

	1004250018	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	Kỹ thuật hóa học	Quản lý dự án	2	9,2	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Quản lý và xây dựng dự án nhà máy hóa chất	102883	2	9,2
	1004250018	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	Kỹ thuật hóa học	Quy hoạch thực nghiệm và tối ưu hóa	2	7,6	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thiết kế và phân tích thí nghiệm nâng cao	102893	2	7,6
18	1004250021	Trần Lê Quốc Huy	Kỹ thuật hóa học	Thực tập kỹ sư	8	9,6	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	102884	8	9,6
	1004250021	Trần Lê Quốc Huy	Kỹ thuật hóa học	Quy hoạch thực nghiệm và tối ưu hoá	2	6,6	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thiết kế và phân tích thí nghiệm nâng cao	100057	2	6,6
19	1004250022	Trịnh Nguyễn Quang Huy	Kỹ thuật hóa học	Thực tập kỹ sư	8	8,9	Kỹ sư	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thực tập	101479	3	8,9
20	1029260009	Nguyễn Thiên Thanh	Ngôn ngữ Anh	Lý thuyết dịch nâng cao	2	8,6	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Lý thuyết dịch nâng cao	102317	2	8,6
	1029260009	Nguyễn Thiên Thanh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ học máy tính	2	9,0	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ học máy tính	102311	2	9,0
	1029260009	Nguyễn Thiên Thanh	Ngôn ngữ Anh	Thiết kế nội dung môn học và phát triển tài liệu	2	8,8	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thiết kế nội dung môn học và phát triển tài liệu	102304	2	8,8

	1029260009	Nguyễn Thiên Thanh	Ngôn ngữ Anh	Phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ	2	8,2	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ	102279	2	8,2
	1029260009	Nguyễn Thiên Thanh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ học tri nhận	2	6,7	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ học tri nhận	102288	2	6,7
	1029260009	Nguyễn Thiên Thanh	Ngôn ngữ Anh	Thụ đặc ngôn ngữ thứ hai	2	6,4	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Thụ đặc ngôn ngữ thứ hai	102280	2	6,4
21	1023260009	Trần Bích Thảo	Tài chính - ngân hàng	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2	7,3	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	102327	2	7,3
	1023260009	Trần Bích Thảo	Tài chính - ngân hàng	Nguyên lý ngân hàng	2	8,3	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Nguyên lý ngân hàng	102389	2	8,3
	1023260009	Trần Bích Thảo	Tài chính - ngân hàng	Tiền tệ ngân hàng	2	8,9	Thạc sĩ	Trường Đại học Công Thương TP.Hồ Chí Minh	Tiền tệ ngân hàng	100446	2	8,9

(Danh sách có 21 học viên)